

Số: 131/2020/QĐST-HNGĐ

Đông Triều, ngày 12 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa:

Anh Bùi Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu Q, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q.

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu Q, phường H, thị xã Đ, tỉnh Q.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Thảo và chị Nguyễn Thị Dung.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1** Về con chung: Các đương sự cùng khẳng định có một con chung: Bùi Phi H, sinh ngày 06/8/2007 và thỏa thuận thống nhất:

Anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Bùi Phi H, sinh ngày 06/8/2007 kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

**2.2** Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, anh T cùng các thành viên trong gia đình không cản trở chị D trong việc

thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3 Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn về nợ chung không có.

2.4 Về án phí:

- Anh Bùi Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004500, ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại anh Bùi Văn T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004500, ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án DS Đông Triều;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hoàng Quế (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

Vũ Thị Thiên Nga